

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): **Những vấn đề chung về luật dân sự**
- Tên học phần (Tiếng Anh): **General issues on Civil Law**
- Mã học phần: 2310092
- Số tín chỉ: **2**
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc đại học, cao đẳng ngành luật kinh tế.
- Các học phần học trước: Lý luận Nhà nước và pháp luật
- Các học phần kế tiếp (những học phần ngay sau học phần này nếu có): Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết : 30 tiết
 - Làm bài tập trên lớp : ... tiết
 - Thảo luận : tiết
 - Thực hành, thực tập (ở phòng thực hành, phòng Lab,...): tiết
 - Hoạt động theo nhóm : ... tiết
 - Tự học : 60 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn luật

2. Mục tiêu của học phần:

- **Kiến thức:** Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những vấn đề chung của Luật dân sự Việt Nam, bao gồm đối tượng, phương pháp điều chỉnh; các nguyên tắc; các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật dân sự; các chế định về vấn đề chung của Luật dân sự như: địa vị pháp lý, quyền – nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự; giao dịch dân sự; đại diện, thời hạn, thời hiệu.
- **Kỹ năng:** giúp sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các môn học chuyên ngành tiếp theo trong CTĐT; có khả năng phân tích, đánh giá các quy định PL DS hiện hành và các vụ việc dân sự xảy ra trên thực tế; có khả năng vận dụng các kiến thức về những vấn đề chung của Luật dân sự vào việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của mình, góp phần bảo vệ trật tự PL, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NN, tổ chức và của công dân.
- **Thái độ:** Học xong môn này có ý thức tôn trọng PL, tôn trọng sự bình đẳng, tự do ý chí của các chủ thể trong QHPLDS; rèn luyện ý thức, thái độ nghiên cứu nghiêm túc, phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong học tập.

3. Chuẩn đầu ra của học phần: Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể:

Chuẩn đầu ra	Nội dung
K2	- Sinh viên phải hiểu những kiến thức cơ bản về những vấn đề chung về Luật dân sự như đối tượng, phương pháp điều chỉnh, nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự

	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên phải hiểu những QPPL và QHPLDS - Sinh viên hiểu được địa vị pháp lý của các chủ thể trong QHPLDS, giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu theo quy định của PLDSVN.
K4	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên phải phân tích được cơ cấu của QPPLDS - Sinh viên phải hiểu và phân tích được năng lực pháp luật dân sự của cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác; chế định đại diện. - Sinh viên hiểu và phân tích được các giao dịch DS với các loại giao dịch khác, phân tích được thời hạn, thời hiệu.
S1	- Nhận biết được những vụ việc dân sự xảy ra trên thực tế
S3	- Sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá các quy định PLDS hiện hành với các vụ việc thực tế
A2	- Sinh viên có ý thức chấp hành pháp luật DS, tôn trọng sự bình đẳng và tự do ý chí của các chủ thể trong QHPLDS.
A3	- Sinh viên có ý thức tôn trọng PL, phê phán những hành vi vi phạm PLDS.

4. Tóm tắt nội dung học phần (không quá 300 từ)

- Môn học Những vấn đề chung về Luật dân sự là môn học cơ bản trong KHPL, trang bị cho SV những kiến thức pháp lý chung về dân sự, giúp SV có kiến thức cơ sở làm nền tảng cho việc nghiên cứu các môn KHPL tiếp theo.
- Môn học trang bị cho SV những vấn đề lý luận cơ bản về Luật dân sự VN cùng với các quy định PLDS hiện hành trong một số chế định về cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác; chế định đại diện; giao dịch dân sự, thời hạn và thời hiệu.

5. Tài liệu học tập

Giáo trình chính:	<p>[1]. Trường Đại học Luật TP. HCM, NXB Hồng Đức (2015), Giáo trình những quy định chung về luật dân sự.</p> <p>[2] Trường Đại học Luật Hà Nội, NXB CAND (2010), Giáo trình luật dân sự 1.</p> <p>[3] Hoàng Thế Liên (chủ biên), Bình luận khoa học BLDS năm 2005 (Tập 1) NXB CTQG, 2009</p>
Văn bản pháp luật:	<p>[4] Bộ luật dân sự năm 2005</p> <p>[5] Nghị quyết 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất của Bộ luật tố tụng dân sự 2004.</p>
Các loại tài liệu khác:	<p>Tạp chí Nhà nước và pháp luật</p> <p>Tạp chí luật học</p> <p>Tạp chí nghiên cứu lập pháp</p> <p>Các trang thông tin điện tử của NN.</p>

6. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

- Phương pháp thuyết giảng

- Phương pháp đặt câu hỏi tình huống, thảo luận nhóm

7. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác

Học phần này làm nền tảng để học các môn học thuộc các chuyên ngành luật, do vậy, buộc sinh viên phải có mặt trên lớp ít nhất 80% thời gian. Ngoài ra, để học tốt sinh viên phải đọc trước giáo trình, các sách tham khảo, đặc biệt là nghiên cứu các quan điểm của các nước phát triển để có góc nhìn khách quan hơn về lý luận.

Giảng viên phải giới thiệu một số quan điểm của các học giả tư sản về các nội dung liên quan để sinh viên có so sánh, đánh giá, nhận thức sâu sắc hơn.

Đầu mỗi buổi học, giảng viên phải nhắc lại hoặc đề nghị sinh viên trả lời những nội dung chính của buổi học trước đó.

8. Thang điểm đánh giá

Phân loại	Thời lượng	Tỷ trọng (%)	Hình thức
Đánh giá chuyên cần		20%	Điểm danh hoặc kiểm tra kiến thức hoặc kết hợp cả hai hình thức (Gv tự tổ chức)
Kiểm tra giữa kỳ	30-45 phút	20%	Bài thi kiểm tra tự luận (Gv tự tổ chức)
Kiểm tra cuối kỳ	45-60 phút	60%	Bài thi kiểm tra tự luận

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần

9.1. Đối với học phần lý thuyết hoặc vừa lý thuyết vừa thực hành

9.1.1. Kiểm tra – đánh giá quá trình: Có trọng số từ **30% đến 50%**, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau:

- Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập (ít nhất 1 lần) và kiểm tra chuyên cần (20%)
- Điểm thi giữa kỳ: 20%

9.1.2. Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số từ 50% đến 60%

- Hình thức thi (tự luận/ trắc nghiệm/ vấn đáp, hoặc bao gồm các hình thức): Tự luận
- Thời lượng thi: từ 60 đến 90 phút
- Sinh viên được tham khảo tài liệu hay không khi thi: được tham khảo tài liệu.

10. Nội dung chi tiết học phần và kế hoạch giảng dạy

Buổi	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần				Tổng
		Lên lớp			Tự học, tự nghiên cứu	
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Bài 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH CỦA NGÀNH LUẬT DÂN SỰ	4			8	12
Buổi 1 Và 2	1.1. Đối tượng điều chỉnh 1.1.1 Khái niệm					

	<p>1.1.2 Quan hệ tài sản 1.1.2.1. Khái niệm 1.1.2.2. Đặc điểm 1.1.2.3. Các nhóm quan hệ tài sản do luật dân sự điều chỉnh.</p> <p>1.1.3. Quan hệ nhân thân 1.1.3.1. Khái niệm 1.1.3.2. Đặc điểm 1.1.3.3. Các nhóm quan hệ nhân thân do luật dân sự điều chỉnh.</p> <p>1.2. Phương pháp điều chỉnh của luật dân sự Việt Nam 1.2.1. Phương pháp điều chỉnh là gì? 1.2.2. Đặc điểm</p> <p>1.3 Định nghĩa Luật dân sự Việt Nam. Phân biệt với một số ngành luật khác</p>					
	Bài 2. NGUYÊN TẮC CƠ BẢN- NGUỒN CỦA LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM	4			8	12
Buổi 3, 4	<p>2.1. Nguyên tắc cơ bản của luật dân sự Việt Nam 2.2.1 Khái niệm 2.2.2 Các nhóm nguyên tắc - Nhóm 1: Nhóm nguyên tắc thể hiện bản chất của quan hệ dân sự - Nhóm 2: Nhóm nguyên tắc mang tính pháp chế - Nhóm 3: Nhóm nguyên tắc thể hiện bản sắc, đạo đức, truyền thống trong dân sự.</p> <p>2.2. Nguồn của luật dân sự 2.3.1. Khái niệm nguồn 2.3.2. Phân loại nguồn</p> <p>2.3. Áp dụng luật dân sự và áp dụng tương tự pháp luật 2.3.1. Áp dụng luật dân sự 2.3.2. Áp dụng tương tự pháp luật</p>					
	Bài 3: KHÁI QUÁT QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ	3			4	6
Buổi 5, 6	<p>3.1. Khái niệm, đặc điểm quan hệ pháp luật dân sự 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Đặc điểm</p> <p>3.2. Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật dân sự 3.2.1. Chủ thể quan hệ PLDS 3.2.2. Khách thể quan hệ PLDS 3.2.3. Nội dung quan hệ PLDS</p> <p>3.3. Phân loại quan hệ PLDS 3.3.1. Quan hệ về tài sản 3.3.2. Quan hệ về nhân thân</p>					

	<p>3.3.3. Quan hệ vật quyền 3.3.4. Quan hệ trái quyền</p> <p>3.4. Sự kiện pháp lý trong luật dân sự 3.2.1 Khái niệm 3.2.2 Phân loại sự kiện pháp lý</p>					
	Bài 4. CÁ NHÂN- CHỦ THỂ CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ	6			12	18
Buổi 6, 7, 8	<p>4.1. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Đặc điểm</p> <p>4.2. Tuyên bố cá nhân mất tích, chết 4.2.1. Tuyên bố cá nhân mất tích 4.2.2. Tuyên bố cá nhân chết</p> <p>4.3. Năng lực hành vi dân sự của cá nhân 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Các mức độ năng lực hành vi dân sự - Năng lực hành vi dân sự đầy đủ - Năng lực hành vi dân sự chưa đầy đủ - Những người chưa đủ 6 tuổi - Mất năng lực hành vi dân sự - Hạn chế năng lực hành vi dân sự</p> <p>4.4. Giám hộ 4.4.1. Khái niệm 4.4.2. Các hình thức giám hộ</p> <p>4.5. Nơi cư trú của cá nhân</p>					
	Bài 5: PHÁP NHÂN – CHỦ THỂ CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ	5			10	15
Buổi 8, 9, 10,	<p>5.1. Khái niệm, điều kiện và phân loại pháp nhân 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Điều kiện để một tổ chức được công nhận là pháp nhân 5.1.3. Phân loại pháp nhân</p> <p>5.2. Năng lực chủ thể của pháp nhân và các yếu tố lý lịch của pháp nhân 5.2.1. Năng lực chủ thể là khả năng của pháp nhân 5.2.2. Các yếu tố lý lịch của pháp nhân</p>					
	Bài 6: HỘ GIA ĐÌNH – TỔ HỢP TÁC CHỦ THỂ CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ	2			4	6
Buổi 11, 12	<p>6.1. Hộ gia đình – Chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự 6.1.1. Khái niệm 6.1.2 Năng lực chủ thể</p> <p>6.2. Tổ hợp tác – Chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự 6.2.1. Khái niệm 6.2.2. Năng lực chủ thể của tổ hợp tác</p>					

	Bài 7: GIAO DỊCH DÂN SỰ	3			8	12
Buổi 12, 13, 14	7.1 Khái niệm giao dịch dân sự 7.2 Phân loại giao dịch dân sự 7.3 Điều kiện có hiệu lực 7.4 Giao dịch dân sự vô hiệu					
	Bài 8: ĐẠI DIỆN – THỜI HẠN – THỜI HIỆU	3			8	12
Buổi 14 và 15	8.1. Khái niệm và phân loại đại diện 8.2. Phạm vi thẩm quyền đại diện 8.3. Khái niệm và phân loại thời hạn 8.4. Cách tính thời hạn 8.5. Khái niệm về thời hiệu 8.6. Phân loại thời hiệu					
	Cộng	30			60	90

...

13. Ngày phê duyệt

Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tổ trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)